

MỤC TIÊU GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG VÀ THỰC HÀNH 5S KHỞI MẪU GIÁO

Những mục tiêu thực hiện 5S: *in nghiêng màu xanh lá*; Mục tiêu kỹ năng sống nâng cao: *in nghiêng đậm màu xanh*

Mục tiêu chung		Mẫu giáo bé (3-4 tuổi)	Mẫu giáo nhỡ(4-5 tuổi)	Mẫu giáo lớn (5-6 tuổi)
Nhóm kỹ năng ý thức về bản thân	An toàn (thực hiện các quy tắc an toàn thông thường, phòng chống các tai nạn thông thường)	❖ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	❖ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.	❖ Biết nói với người lớn khi bị đau hay chảy máu hoặc sốt.
		❖ Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng....) khi được nhắc nhở.	❖ Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn	❖ Biết bàn là, bếp lò, bếp điện đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn
		❖ Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	❖ Nhận ra những nơi như: hồ, ao, ruộng nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	❖ Biết những nơi như ao, hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi tới gần.
		❖ Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	❖ Biết tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	❖ Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu. Biết tránh một số trường hợp không an toàn + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi hông được phép của người lớn, cô giáo- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết gọi người lớn giúp đỡ

			❖ Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	❖ Thực iện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. ❖ - Không leo trèo cây, ban công, tường rào....
		❖ Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở.	❖ Biết tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở.	❖ Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh - Biết: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.
		❖ <i>Biết nói “Xin phép” trong sinh hoạt khi được nhắc nhở.</i>	❖ <i>Biết nói “Xin phép” trong sinh hoạt.</i>	❖ <i>Có thói quen “Xin phép” trong sinh hoạt.</i>
		❖ <i>Trẻ biết và thực hiện: Đi bộ trên vỉa hè, phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm an toàn khi ngồi trên xe máy, chấp hành đúng theo tín hiệu giao thông khi được nhắc nhở</i>	❖ <i>Trẻ hiểu và thực hiện: Đi bộ trên vỉa hè, đi sát lề đường bên phải, phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm an toàn khi ngồi trên xe máy, chấp hành đúng theo tín hiệu và các biển báo giao thông đơn giản.</i>	❖ <i>Trẻ có kiến thức khi tham gia giao thông như: Đi bộ trên vỉa hè, đi sát lề đường bên phải, không dàn hàng hai, hàng ba trên đường, phải có người lớn dắt, đội mũ bảo hiểm an toàn khi ngồi trên xe máy, chấp hành đúng theo tín hiệu và các biển báo giao thông</i>

		❖ Trẻ biết một số hành động tự bảo vệ đơn giản với sự nhắc nhở của người lớn khi gặp thảm họa thiên tai: giông, sấm sét, lũ lụt, hoả hoạn	❖ Trẻ thực hiện được một số hành động tự bảo vệ khi gặp thảm họa thiên tai: giông, sấm sét, lũ lụt, hoả hoạn.	❖ Trẻ có kỹ năng ứng phó với một số thảm họa thiên tai: Động đất, mưa đá, giông, sấm sét, lũ lụt, hoả hoạn
Tự lực/Tự kiểm soát (Tự phụ vụ, quản lý thời gian, kiểm soát cảm xúc)		❖ Sử dụng bát thìa, cốc đúng cách, để đúng nơi quy định	❖ Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn để đúng nơi quy định.	❖ Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo, để đúng nơi quy định.
		❖ Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	❖ Biết tự vệ sinh răng miệng, ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.	❖ Biết vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất mặc áo ấm khi trời lạnh
			❖ Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.	❖ Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định. Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp
		❖ Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: Rửa tay, lau mặt, súc miệng, tháo tất, cởi quần áo	❖ Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: biết tự rửa tay bằng xà phòng, lau mặt, tự thay quần áo khi bị ướt bẩn.	❖ Thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự rửa tay bằng xà phòng . Tự lau mặt đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt , bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng

		❖ Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận.	❖ Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	❖ Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ
				❖ Biết kiềm chế cảm xúc, tiêu cực khi được an ủi, giải thích
			❖ <i>Biết tự cầm lược chải tóc</i>	❖ <i>Biết sử dụng đũa để gấp thức ăn. Biết tự chải đầu, buộc tóc gọn gàng</i>
		❖ <i>Biết điều chỉnh hành vi phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở</i>	❖ <i>Biết điều chỉnh hành vi phù hợp với hoàn cảnh</i>	❖ <i>Biết điều chỉnh hành vi phù hợp với hoàn cảnh</i>
	Tự tin (Nhận ra giá trị của bản thân, trình bày ý kiến, thể hiện khả năng)	❖ Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí trong giao tiếp.	❖ Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	❖ Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
		❖ Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	❖ Tự chọn trò chơi, đồ chơi theo ý thích. <i>Nhận ra các ký hiệu các trên các nhãn dán chỉ vị trí của các đồ vật trong lớp.</i>	❖ Mạnh dạn nói lên ý kiến của bản thân
		❖ Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	❖ Tự chọn trò chơi, đồ chơi theo ý thích.	❖ <i>Trẻ biết làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi... Đọc được ký hiệu các trên các nhãn dán chỉ vị trí của các đồ vật trong lớp</i>
	Tự trọng (lịch sự trong ăn uống, mang mặc, nói năng)	❖ Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn. Không nói chuyện, đùa nghịch, <i>không làm đổ vãi cơm khi được nhắc nhở.</i>	❖ Trẻ biết mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn. Không nói chuyện, đùa nghịch, <i>không làm đổ vãi cơm.</i>	❖ Có một số hành vi tốt trong thói quen ăn uống: - Mời cô và mời bạn khi ăn và từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.

				- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
		❖ Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	❖ Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	❖ Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép
Nhóm kỹ năng quan hệ xã hội	Thân thiện (Kết bạn, hòa giải xung đột, giúp đỡ, nhường nhịn)	❖ <i>Biết chơi đoàn kết với bạn bè khi được nhắc nhở</i>	❖ <i>Thể hiện sự đoàn kết với bạn bè trong nhóm chơi.</i>	❖ Thể hiện sự thân thiện đoàn kết với bạn bè
		❖ <i>Biết thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ các bạn khi được nhắc nhở.</i>	❖ <i>Biết thể hiện sự quan tâm, giúp đỡ mọi người khi cần thiết theo khả năng của mình.</i>	❖ Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn ; Có nhóm bạn chơi thường xuyên
				❖ Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi
	Yêu thương (Biết quan tâm, chia sẻ)			❖ Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè
	Tôn trọng (Thực hiện các quy tắc xã hội, chấp nhận sự khác biệt, công bằng, kính trọng người lớn)			❖ Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
				❖ Nói được khả năng, sở thích của bạn bè và người thân
				❖ Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn
Nhóm kỹ năng giao tiếp	Hòa nhã (lắng nghe, trình bày ý kiến rõ ràng, bình tĩnh)	❖ Chú ý nghe khi cô và bạn nói.	❖ Chú ý khi nghe cô, bạn nói.	❖ Chú ý nghe cô, bạn nói không ngắt lời người khác
		❖ Sử dụng các từ: “Vâng ạ, dạ, thưa...”	❖ Trẻ biết sử dụng các từ: “mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi... trong giao tiếp.	❖ Sử dụng các từ: “Cảm ơn”, “xin lỗi”, “Dạ”, “Thưa”...phù hợp với tình huống.

	Cởi mở (Khởi xướng, duy trì và kết thúc cuộc giao tiếp một cách vui vẻ)			❖ Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân
				❖ Chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi
	Hiệu quả (Đàm phán, thuyết phục thương lượng)			❖ Chăm chú nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp
				❖ Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
Nhóm kỹ năng thực hiện công việc	Hợp tác (thỏa thuận mục đích, phân công vai trò, thực hiện đúng vai trò, giúp đỡ, tìm kiếm sự giúp đỡ.)	❖ Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	❖ Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	❖ Biết chờ đến lượt
			❖ Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...)	❖ Biết lắng nghe ý kiến trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
				❖ Biết tìm cách để giải quyết các mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)
	Vượt khó (Chấp nhận đối mặt với khó khăn, giải quyết vấn đề)	❖ Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao.	❖ Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	❖ Chấp nhận sự phân công của người lớn ; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác
	Kiên trì có trách nhiệm			❖ Chấp nhận sự phân công của người lớn ; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác

	(Nhận nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ đến cùng)	❖ Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	❖ Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	❖ Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: + Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng. + Biết vâng lời ông, bà, bố mẹ, anh chị.
			❖ Không bẻ cành, ngắt hoa.	❖ Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...)
			❖ Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	❖ Biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn
		❖ Phân loại những thứ cần thiết, không cần thiết trong sinh hoạt. Bỏ rác đúng nơi quy định.	❖ Phân loại những thứ cần thiết, không cần thiết trong sinh hoạt. Bỏ rác đúng nơi quy định.	❖ Phân loại những thứ cần thiết, không cần thiết trong sinh hoạt. Bỏ rác đúng nơi quy định
		❖ Trẻ biết bắt chước người lớn chăm sóc môi trường sống.	❖ Trẻ biết phối hợp cùng bạn bè, người lớn chăm sóc môi trường sống.	❖ Trẻ có kỹ năng phối hợp cùng bạn bè, người lớn chăm sóc môi trường sống.
		❖ Trẻ hiểu nội dung, và biết thực hiện 5S khi được nhắc nhở	❖ Trẻ hiểu nội dung, ích lợi và biết thực hiện 5S cùng cô	❖ Trẻ hiểu nội dung, ích lợi và sẵn sàng thực hiện 5S bằng các việc làm cụ thể
Nhóm kỹ năng ứng phó với	Sáng tạo (Tạo ra cái mới theo cách mới)	❖ Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	❖ Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	❖ Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích
		❖ Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	❖ Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	❖ Nói lên các ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.

thay đổi		❖ Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	❖ Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	❖ Đặt tên cho sản phẩm tạo hình
				❖ Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát
	Mạo hiểm (Chấp nhận thử thách để sáng tạo)	❖ Trẻ có các kỹ năng chấp nhận thất bại: tự nhận ra sai lầm khi được nhắc nhở	❖ Trẻ có các kỹ năng chấp nhận thất bại: tự nhận ra sai lầm, tự đánh giá thái độ của mình của bạn khi gặp thất bại.	❖ Trẻ có các kỹ năng chấp nhận thất bại: tự nhận ra sai lầm, tự đánh giá thái độ của mình của bạn khi gặp thất bại, tự đưa ra phương án để thay đổi.
				❖ Trẻ sẵn sàng chấp nhận thử thách và biết tìm các phương thức mới để vượt qua thử thách.
	Ham hiểu biết (Thu nhận và chia sẻ thông tin, tò mò, hay hỏi)	❖ Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	❖ Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý của cô giáo.	❖ Tò mò, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: "Tại sao có mưa."
		❖ Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	❖ Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.	❖ Thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.